

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Luân.

2. Bà Trần Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày: Ông và bà Vũ Thị L kết hôn tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 21/9/1998 tại UBND xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa

thuận đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra to tiếng, đánh cãi, chửi nhau. Ông bà sống ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2023 đến nay, không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống của nhau nữa. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Vũ Thị L.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Vũ Thị L trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Quang T đúng như ông T trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên hay hắt hủi bà, bản thân bà và gia đình hai bên đã rất nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không sửa chữa dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Nay ông T làm đơn xin ly hôn, bà L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông T, bà L xác định vợ chồng có bốn con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/5/1999; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 11/10/2001; Nguyễn Quang T1, sinh ngày 11/7/2003 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 27/10/2008. Hiện nay chị H, chị Th, anh T1 đều đã trưởng thành và sống tự lập nên ông bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Còn lại cháu H1 chưa đủ 18 tuổi, quan điểm ông T xin được nuôi cháu H1 và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, quan điểm bà L cũng xin được nuôi cháu H1 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/1 tháng.

Về con riêng: Ông T và bà L thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công sức đóng góp; đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn: Ông T, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L xác định vợ chồng có nợ Quỹ tín dụng nhân dân xã N 500.000.000 đồng; nợ bà Nguyễn Thị X (mẹ đẻ bà L) 23 chỉ vàng 999,9 và 50.000.000 đồng; nợ bà L1 20.000.000 đồng; nợ bà C 40.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 999,9; nợ chị N 60.000.000 đồng; nợ ngân hàng 70.000.000 đồng; nợ bà D ở thôn V, xã N 05 chỉ vàng 999,9; nợ chị M 37 chỉ vàng 999,9; nợ bà K 30 chỉ vàng 999,9 và 60.000.000 đồng; nợ mẹ đẻ anh T 02 chỉ vàng 999,9; nợ anh Ch 60.000.000 đồng. Bà L yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ nêu trên.

Tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Bà L thay đổi một phần quan điểm, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề công nợ, còn các vấn đề khác bà giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T, xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Quang T và bà Vũ Thị L. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H1 cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Quang T và bà Vũ Thị L là hợp pháp, ông bà đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống; ngoài ra do công việc làm ăn kinh tế nên ông T thường xuyên phải đi xa nhà, từ đó bà L hay nghi ngờ ông T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn bà L; còn bà L mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế, bản thân bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống vợ chồng giữa ông T và bà L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, khả năng để ông bà về đoàn tụ vợ chồng là rất khó. Như vậy chứng tỏ hôn nhân giữa ông T và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho

ông T được ly hôn bà L là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông T và bà L có bốn con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 13/5/1999; Nguyễn Thị Th, sinh ngày 11/10/2001; Nguyễn Quang T1, sinh ngày 11/7/2003 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 27/10/2008. Hiện nay chị H, chị Th, anh T1 đều đã trưởng thành và sống tự lập, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Còn cháu H1 chưa đủ 18 tuổi, mặc dù cả hai ông bà đều có nguyện vọng nuôi cháu H1, tuy nhiên tại lời khai của cháu H1 xác định cháu có nguyện vọng xin được ở với bố vì cháu là con trai, từ khi bố mẹ li thân đến nay thì cháu đều ở ổn định cùng với bố. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cho ông T được quyền nuôi dưỡng cháu H1, bà L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của ông T là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con riêng*: Ông T, bà L thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn*: Ông T, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa ông Nguyễn Quang T và bà Vũ Thị L.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 27/10/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của ông T.

Ông T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Ông Nguyễn Quang T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000102 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Ông T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Nhật Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

